

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số Văn bản số 218/TTA-CV ngày 06/4/2023 của Công ty Cổ
phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành về đề nghị cấp Giấy phép môi
trường và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
2022/TTr-STNMT ngày 05 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành, địa chỉ tại thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102899812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 31 tháng 8 năm

2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

1.4. Mã số thuế: 0102899812.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 488.562,5 m².

- Công suất nhà máy điện mặt trời: 50 MWp.

- Công suất trạm biến áp 110 kV - 63 MVA.

- Chiều dài tuyến đường dây 110 kV dài 5,59 km đấu nối vào Trạm biến áp 110 kV điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Từ ngày tháng 5 năm 2023 đến ngày tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, CT;
- UBND huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Dinh;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên phát sinh tại nhà quản lý vận hành.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của nhân viên phát sinh tại nhà điều khiển trung tâm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được thu gom vào 02 bể chứa để tái sử dụng cho các hoạt động của Cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại nhà quản lý vận hành sau xử lý được tập trung vào bể chứa dung tích 2,2 m³ để tái sử dụng cho các hoạt động của Cơ sở. Tọa độ bể chứa: X=1263394; Y= 577243 (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiều 3⁰).

- Nước thải sinh hoạt tại nhà điều khiển trung tâm sau xử lý được tập trung vào bể chứa dung tích 1,1 m³ để tái sử dụng cho các hoạt động của Cơ sở. Tọa độ bể chứa: X=1263572; Y= 577205 (hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,6 m³/ngày đêm (tương đương 0,108 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt tại nhà quản lý và nhà điều khiển trung tâm sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, theo đường ống dẫn về các bể chứa theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng các bể tự hoại, sau đó, thu gom vào bể chứa để tái sử dụng cho các hoạt động của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân viên: 02 bể tự hoại 03 ngăn (01 bể tự hoại xây dựng tại nhà quản lý vận hành, dung tích 11,7 m³ và 01 bể tự hoại xây dựng tại nhà điều khiển trung tâm, dung tích 6,16 m³).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → bể tự hoại 03 ngăn:

Bể 01: Ngăn chứa (dung tích 7,616 m³) → ngăn lắng (dung tích 2.048 m³) → ngăn lọc (dung tích 2.048 m³) → Bể thu nước thải sau xử lý → Tái sử dụng các hoạt động của cơ sở.

Bể 02: Ngăn chứa (dung tích 4,352 m³) → ngăn lắng (dung tích 0,704 m³) → ngăn lọc (dung tích 1,1 m³) → Bể thu nước thải sau xử lý → Tái sử dụng các hoạt động của cơ sở.

Công suất xử lý nước thải của 02 bể tự hoại: 2,6 m³ /ngày.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/9/2023 đến ngày 15/11/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại 02 bể thu nước thải sau xử lý có tọa độ như sau:

+ Bể thu nước thải sau xử lý tại nhà quản lý vận hành: X=1263394; Y=577243 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Bể thu nước thải sau xử lý tại nhà điều khiển trung tâm: X=1263572; Y=577205 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn/01 bể trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng trong khu vực cơ sở.

3.2. Vận hành thường xuyên bể tự hoại bảo đảm nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khối lượng khoảng 921 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt, dầu truyền nhiệt, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang, các thiết bị, linh kiện điện tử, bình ắc quy, hộp mực in, các tấm pin mặt trời thải.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khối lượng khoảng 0,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là sứ, dây dẫn, thanh thép hỏng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng khoảng 90 kg/năm. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, túi ni lông, chai nhựa và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy riêng biệt hoặc khu vực riêng và lưu giữ tại kho chứa có diện tích 52 m². Kho chứa có mái che bằng tôn, nền bê tông, tường bao quanh bằng tôn và có gờ chống tràn ngăn nước mưa chảy vào kho chứa theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy và lưu giữ tại kho chứa có diện tích 12 m² tại khu nhà quản lý vận hành.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 6 thùng rác có dung tích 20 lít/ thùng đặt tại khu quản lý vận hành và khu điều khiển trung tâm và 01 thùng rác có dung tích 60 lít/thùng đặt trước cổng Công ty.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động của cơ sở; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
2. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.